

CHÍNH SÁCH VỀ ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI LÝ THUẾ TẠI VIỆT NAM

Nguyễn Thị Lệ Thúy*

Tóm tắt

Bài viết nghiên cứu thực trạng chính sách về đăng ký thành lập và hoạt động của đại lý thuế (DLT), chỉ ra những rào cản chủ yếu trong các quy định của chính sách đã làm hạn chế sự phát triển của đại lý thuế tại Việt Nam. Từ đó, bài viết đề xuất một số giải pháp hoàn thiện chính sách trong thời gian gian tới: đa dạng mô hình kinh doanh DLT; mở rộng phạm vi hoạt động của DLT; hoàn thiện quy định kiểm soát điều đăng ký cung cấp dịch vụ DLT; ban hành Bộ tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ DLT; hoàn thiện quy định về trách nhiệm pháp lý của DLT; và ban hành Bộ quy tắc ứng xử chuyên nghiệp của DLT.

Từ khóa: Chính sách, đại lý thuế, dịch vụ đại lý thuế.

1. Đặt vấn đề

Đại lý thuế tại Việt Nam đã trải qua gần 10 năm phát triển sau khi Quốc hội ban hành Luật quản lý thuế 2006 - cơ sở pháp lý đầu tiên cho sự ra đời của hình thức kinh doanh này. Tuy nhiên cho đến nay, sự phát triển của đại lý thuế tại Việt Nam chưa thực sự sầm uất, thể hiện qua số liệu khiêm tốn về số đại lý thuế, số cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế, quy mô nhỏ bé của các DLT, loại hình dịch vụ đại lý thuế thiếu đa dạng, tình trạng chưa 'mặn mà' đối với dịch vụ DLT của các doanh nghiệp (Nguyễn Thị Lệ Thúy, 2015 b). Một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến thực trạng nói trên là rào cản từ chính sách về đăng ký thành lập và hoạt động của DLT.

Vì vậy, bài viết tập trung phân tích thực trạng chính sách đăng ký thành lập và hoạt động của DLT từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện chính sách này trong thời gian tới. Bài viết sử dụng phương pháp điều tra, phân tích số liệu sơ cấp và thứ cấp. Số liệu sơ cấp được lấy từ Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở của tác giả, trên cơ sở khảo sát 27 DLT (18 đại lý thuế có thời gian hoạt động được từ 1-5 năm, có 3 đại lý mới thành lập dưới 1 năm, có 6 đại lý hoạt động trên 5 năm) về cảm nhận và ý kiến DLT đối với chính sách phát triển DLT trong đó có chính sách về đăng ký thành lập và hoạt động của DLT.

2. Phân tích thực trạng chính sách về đăng ký thành lập và hoạt động của đại lý thuế tại Việt Nam

Chính sách về đăng ký thành lập và hoạt động của DLT bao gồm những quy định: (1) mô

*Nguyễn Thị Lệ Thúy, Tiến sĩ, Khoa Khoa học quản lý, Đại học Kinh tế quốc dân.

hình kinh doanh dịch vụ và phạm vi hoạt động của ĐLT; (2) điều kiện đăng ký thành lập và hoạt động của ĐLT; (4) hợp đồng thực hiện dịch vụ và trách nhiệm pháp lý của ĐLT; (5) xử phạt vi phạm đối với ĐLT và nhân viên ĐLT; (6) quy tắc ứng xử của ĐLT.

Những quy định nói trên đã được ban hành trong Luật Quản lý thuế 2006, Thông tư số 28/2008/TT-BTC hướng dẫn đăng ký hành nghề và quản lý hoạt động hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế, Thông tư số 117/2012/TT-BTC ngày 19/7/2012 thay thế Thông tư số 28/2008/TT-BTC hướng dẫn về hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế; Quyết định số 316/QĐ-BTC ngày 17/02/2009 về ban hành Quy chế thi cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.

Sự ra đời của các văn bản chính sách thời gian qua đã tạo lập được cơ sở pháp lý cho sự hình thành, hoạt động của các ĐLT. Tuy nhiên, các quy định chính sách điều chỉnh việc thành lập và hoạt động của ĐLT vẫn chưa hoàn thiện, làm hạn chế sự phát triển ĐLT tại Việt Nam.

2.1. Quy định về mô hình kinh doanh dịch vụ và phạm vi hoạt động của đại lý thuế

Về mô hình kinh doanh dịch vụ

Theo Điều 20 của Luật Quản lý thuế 2006 và Thông tư số 117/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính, ĐLT là doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện để kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế (Tổng cục Thuế, 2007). Quy định này chỉ công nhận mô hình doanh nghiệp, công ty kinh doanh mà chưa công nhận ĐLT cá nhân. Các cá nhân muốn hành nghề ĐLT phải hoạt động trong các đại lý là doanh nghiệp.

Quy định mô hình kinh doanh dịch vụ ĐLT đã hạn chế số lượng ĐLT ở Việt Nam trong thời gian qua. Năm 2010, cả nước có 41 đại lý, đạt 87 đại lý vào năm 2011, 105 đại lý vào năm 2012 và đến hết năm 2015 mới chỉ có 264 đại lý thuế được thành lập và hoạt động. Số đại lý thuế còn quá khiêm tốn so với mục tiêu 3000 đại lý thuế được đặt ra trong Chiến lược cải cách hệ thống thuế Việt Nam 2011-2020 (Thủ tướng Chính phủ, 2011).

Bảng 1: Số lượng đại lý thuế giai đoạn 2010 – 2015 (đại lý)

	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Tổng	41	87	105	142	201	264
Hà Nội	-	-	35	49	60	84
Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	43	52	65	98
Các tỉnh/thành phố khác	-	-	27	41	76	82

Nguồn: Tổng hợp từ Tổng cục Thuế (2015)

Về phạm vi hoạt động

“ĐLT được thực hiện các thủ tục đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế, lập hồ sơ đề nghị miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế và các thủ tục hành chính thuế khác thay người nộp thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và hợp

đồng dịch vụ đã ký kết” (Tổng cục Thuế, 2007). Quy định hiện tại giới hạn miền hoạt động của ĐLT trong phạm vi làm thủ tục về thuế. ĐLT chưa được tham gia vào các hoạt động cung cấp nhiều giá trị gia tăng hơn cho người nộp thuế. Vì vậy, số lượng doanh nghiệp sử dụng dịch

vụ ĐLT còn hạn chế. Theo Nguyễn Thị Cúc (2015), đến tháng 3/2015, số doanh nghiệp sử dụng dịch vụ ĐLT chỉ khoảng 1000, chủ yếu tập trung tại thành phố Hồ Chí Minh với 600 doanh nghiệp, tại Đồng Nai là 140 doanh nghiệp, và tại

Quảng Ninh là 120 doanh nghiệp. Như vậy, theo những con số nói trên, tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng dịch vụ ĐLT hiện nay mới chỉ đạt khoảng 0,14% tổng số doanh nghiệp trên địa bàn cả nước.

Bảng 2: Thực trạng sử dụng dịch vụ đại lý thuế tại một số tỉnh 3/2015

Đơn vị: Doanh nghiệp

	Tháng 3/2015
Số lượng doanh nghiệp sử dụng dịch vụ ĐLT ở Việt Nam	1.000
Thành phố Hồ Chí Minh	600
Đồng Nai	140
Quảng Ninh	120
Hà Nội	120

Nguồn: Tổng hợp từ Hội tư vấn thuế (2015)

Để đánh giá quy định về mô hình kinh doanh và phạm vi hoạt động của ĐLT, tác giả đã tiến hành điều tra 27 ĐLT, kết quả cho thấy điểm trung bình với nhận định “tán thành với quy định về phạm vi hoạt động của ĐLT” chỉ đạt 2,85 với

độ lệch chuẩn là 0,949. Nhận định về “tán thành với quy định về mô hình ĐLT” chỉ đạt điểm trung bình 2,67 với độ lệch chuẩn 0,857. Mức độ đồng ý với “mô hình ĐLT cá nhân” khá cao, đạt 4,41 điểm, độ lệch chuẩn 0,837.

Bảng 3: Ý kiến của đại lý thuế về “Quy định mô hình kinh doanh dịch vụ và phạm vi hoạt động của đại lý thuế”

Tiêu chí	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
Tán thành với quy định về phạm vi hoạt động của ĐLT	2,85	0,949
Tán thành với quy định về các mô hình ĐLT	2,67	0,657
ĐLT cá nhân là một mô hình dịch vụ hợp lý	4,41	0,837

Nguồn: Nguyễn Thị Lệ Thúy (2015a)

2.2. Quy định về điều kiện đăng ký thành lập và hoạt động của đại lý thuế

Theo quy định, ĐLT là một loại hình hoạt động kinh doanh có điều kiện. ĐLT là hợp pháp khi (1) đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật; (2) có ngành, nghề dịch vụ làm thủ tục

về thuế ghi trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; (3) có ít nhất hai nhân viên được cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế (Bộ Tài chính, 2012). Bên cạnh đó, các ĐLT đã đăng ký hành nghề với Tổng cục Thuế và có tên trên danh sách công khai các ĐLT đã đăng ký

hành nghề trên Website của Tổng cục Thuế mới được thực hiện ký hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế. Đó là những quy định hợp lý để đảm bảo chất lượng dịch vụ ĐLT.

Nhân viên ĐLT phải là thành viên sáng lập hoặc có hợp đồng lao động làm việc trong tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế. Tại một thời điểm, người có chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế chỉ được hành nghề tại một ĐLT. Đại lý thuế chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kiểm tra, xác nhận các điều kiện của nhân viên hoạt động tại đại lý của mình

(Bộ Tài chính, 2012). Theo quy định này, bản thân các ĐLT khó có thể đảm bảo được việc người có chứng chỉ hành nghề sẽ chỉ làm việc tại một ĐLT. Vì điều kiện để trở thành ĐLT là có ít nhất hai nhân viên được cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế, nên trên thực tế để lách quy định này, các ĐLT có thể thuê chứng chỉ hành nghề dịch vụ thuế mà không cần sự tham gia của những cá nhân có chứng chỉ để tiết kiệm chi phí, và hậu quả sẽ ảnh hưởng đến chất lượng cung cấp dịch vụ.

Bảng 4: Ý kiến của đại lý thuế về “Quy định điều kiện đăng ký thành lập và hoạt động của đại lý thuế”

Tiêu chí	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
Tán thành với quy định đăng ký kinh doanh dịch vụ ĐLT	4,22	0,98
Tán thành quy định ĐLT có tối thiểu 2 nhân viên được cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế	4,33	0,795
Một số ĐLT có thể thuê chứng chỉ hành nghề dịch vụ thuế để đảm bảo điều kiện	3,67	0,965

Nguồn: Nguyễn Thị Lệ Thúy (2015a)

Kết quả điều tra cũng chứng minh những nhận định nói trên. Mức độ đồng ý với các quy định đăng ký kinh doanh dịch vụ ĐLT đạt điểm trung bình khá cao 4,22 điểm, tuy vậy có sự khác biệt ý kiến giữa các ĐLT với độ lệch chuẩn 0,98. Quy định về “ĐLT có tối thiểu 2 nhân viên được cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế” đạt được đồng ý ở mức 4,33 điểm với độ lệch chuẩn là 0,795. Một số ý kiến đồng ý với nhận định “ĐLT có thể thuê chứng chỉ hành nghề dịch vụ thuế để đảm bảo điều kiện”, với điểm trung bình là 3,67 và độ lệch chuẩn là 0,965.

2.3. Quy định về hợp đồng thực hiện dịch vụ và trách nhiệm pháp lý của đại lý thuế

Theo Thông tư 117/2012/TT-BTC, khi hành nghề dịch vụ, ĐLT phải lập hợp đồng bằng văn bản với doanh nghiệp về phạm vi công việc thủ tục về thuế được ủy quyền, thời hạn được ủy quyền, trách nhiệm của các bên và các nội dung thỏa thuận khác.

Luật Quản lý thuế năm 2006 cũng đã quy định ĐLT phải “chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm với người nộp thuế theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế”. Tiếp đó, Thông tư số 117/2012/TT-BTC đã ràng buộc thêm trách nhiệm của ĐLT với nội dung công việc thực hiện, theo đó

“trường hợp ĐLT có hành vi thông đồng với người nộp thuế hoặc tự thực hiện các hành vi trốn thuế, khai thiếu thuế, vi phạm thủ tục về thuế thì người nộp thuế vẫn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung sai phạm trên. ĐLT phải liên đới chịu trách nhiệm và phải chịu bồi thường cho tổ chức, cá nhân nộp thuế theo hợp đồng đã ký kết với tổ chức, cá nhân nộp thuế” (Bộ Tài chính, 2012).

Với quy định trên, nghĩa vụ của ĐLT vẫn chưa được xác định rõ ràng khi mà ĐLT chỉ chịu

trách nhiệm bồi thường theo hợp đồng, còn doanh nghiệp nộp thuế phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Đặc biệt trong bối cảnh các ĐLT ở Việt Nam đa số là quy mô nhỏ, năng lực còn hạn chế thì rủi ro cho các doanh nghiệp là cao. Tính đầy đủ và hợp lý về quy định trách nhiệm pháp lý của ĐLT chỉ được các ĐLT đánh giá mức điểm 2,89 với độ lệch chuẩn 0,924. Điều này cũng dẫn đến việc doanh nghiệp chưa yên tâm về tính pháp lý của dịch vụ ĐLT.

Bảng 5: Ý kiến của ĐLT về trách nhiệm pháp lý của ĐLT

Tiêu chí	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
Trách nhiệm pháp lý của ĐLT đối với khách hàng đã được quy định đầy đủ và hợp lý trong văn bản pháp luật	2,89	0,924
Doanh nghiệp có quyền đòi bồi thường khi ĐLT tư vấn sai, vi phạm pháp luật thuế	4,77	0,538

Nguồn: Nguyễn Thị Lệ Thúy (2015 a)

2.4. Quy định xử phạt hành vi vi phạm của đại lý thuế và nhân viên đại lý thuế

Xử phạt đại lý thuế

Theo Thông tư 117/2012/TT-BTC, ĐLT bị đình chỉ hoạt động khi vi phạm các lỗi như (1) hành nghề khi chưa có tên trong danh sách được đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế; (2) không cung cấp thông tin theo yêu cầu của Cơ quan Thuế; (3) không còn đủ điều kiện hành nghề theo quy định; (4) không nộp báo cáo về tình hình hoạt động theo quy định; (5) tiết lộ thông tin gây thiệt hại vật chất, tinh thần, uy tín của tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ ĐLT, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ ĐLT đồng ý hoặc pháp luật có quy định; (6) tuyển dụng, sử dụng và hợp đồng lao động với nhân viên hành nghề ĐLT không đúng theo quy định. Thời gian bị đình chỉ hoạt động kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế kể từ khi

phát hiện các hành vi trên cho đến khi ĐLT khắc phục xong hậu quả. Nếu muốn tiếp tục, đại lý có thể gửi lại hồ sơ đăng ký kinh doanh dịch vụ. Các ĐLT khá đồng ý với quy định nói trên với điểm trung bình là 4 và độ lệch chuẩn là 0,76 (bảng 6).

Danh sách ĐLT bị đình chỉ hoạt động kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế sẽ được Tổng cục Thuế đăng tải công khai, đồng thời xóa tên khỏi danh sách ĐLT đủ điều kiện kinh doanh. “Quy định pháp luật là như vậy và vi phạm cũng vẫn đang được thể hiện công khai, nhưng đến thời điểm này chưa có một vụ vi phạm nào được ghi nhận bởi chính chủ thể có trách nhiệm quản lý” (Nguyễn Thanh Tú, 2013).

Xử phạt nhân viên đại lý thuế

Nhân viên ĐLT bị thu hồi vĩnh viễn và công bố công khai chứng chỉ hành nghề không còn giá trị khi có hành vi thông đồng, giúp người

nộp thuế trốn, gian lận thuế, bị kết án bằng một bản án có hiệu lực về tội trốn thuế; hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ giả trong hồ sơ thi cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế (Bộ Tài chính, 2012).

Tuy nhiên trên thực tế, nhân viên ĐLT có thể cho người khác mượn chứng chỉ hành nghề hoặc sử dụng chứng chỉ hành nghề tại hai đại lý

trở lên trong cùng một thời gian. Những hình phạt như tạm đình chỉ hành nghề và xóa tên trong danh sách đăng ký hành nghề 1 năm như hiện nay vẫn còn quá nhẹ so với mong muốn nâng cao chất lượng dịch vụ ĐLT. Sự tán thành của ĐLT về hành vi xử phạt nhân viên ĐLT được đánh giá ở mức điểm 3,96 với độ lệch chuẩn 0,882 (bảng 6).

Bảng 6: Ý kiến của ĐLT về chính sách đối với hoạt động của ĐLT

Tiêu chí	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
Tán thành với quy định về xử phạm hành vi vi phạm của ĐLT	4,0	0,76
Tán thành với những quy định về xử phạm hành vi vi phạm của nhân viên hành nghề làm thủ tục về thuế	3,96	0,882
Bộ quy tắc ứng xử chuyên nghiệp có vai trò quan trọng trong xác định chuẩn mực hoạt động của ĐLT	4,25	0,772

Nguồn: Nguyễn Thị Lệ Thúy (2015 a)

2.5. Quy định về quy tắc đạo đức nghề nghiệp của đại lý thuế

Cơ quan Thuế hiện vẫn chưa ban hành bộ quy tắc ứng xử chuyên nghiệp của ĐLT. Điều tra các ĐLT cho thấy họ đang thực sự nhận thấy vai trò quan trọng của một bộ quy tắc ứng xử đối với định hướng chuẩn mực hoạt động ĐLT, với điểm trung bình là 4,25 và độ lệch chuẩn là 0,772 (bảng 6).

Những bằng chứng trên cho thấy Chính sách về đăng ký thành lập và hoạt động của ĐLT tại Việt Nam vẫn còn nhiều điểm làm cản trở sự phát triển ĐLT: chưa khuyến khích phát triển các mô hình kinh doanh dịch vụ ĐLT; phạm vi hoạt động ĐLT chưa được mở rộng; quy định điều kiện số nhân viên có chứng chỉ hành nghề tại mỗi đại lý khó khả thi; trách nhiệm pháp lý của ĐLT chưa được quy định rõ ràng để tạo ra sự tin cậy của người nộp thuế; xử phạt cá nhân

hành nghề ĐLT chưa đủ sức răn đe; và thiếu bộ quy tắc ứng xử chuyên nghiệp của ĐLT.

3. Khuyến nghị chính sách

a. Đề xuất công nhận các mô hình kinh doanh dịch vụ ĐLT

Để đạt được các mục tiêu phát triển ĐLT đến năm 2020 như đã cam kết trong định hướng phát triển ĐLT ở Việt Nam (Thủ tướng Chính phủ, 2011), Cơ quan Thuế nên công nhận các mô hình kinh doanh dịch vụ đại lý ngoài mô hình pháp nhân là doanh nghiệp.

Mô hình ĐLT cá nhân

Đây là một mô hình khá phổ biến ở nhiều nước trên thế giới. Phát triển mô hình ĐLT cá nhân có thể giúp thu hút và sử dụng đội ngũ cá nhân có chứng chỉ hành nghề thuế, là cơ sở để phát triển số lượng ĐLT và đáp ứng nhu cầu xã hội về dịch vụ ĐLT trong thời gian tới.

Để giúp cho mô hình ĐLT cá nhân có được sự tin cậy, trước mắt, có thể quy định ĐLT cá nhân không được ký hợp đồng trực tiếp với khách hàng dưới danh nghĩa của mình. ĐLT là doanh nghiệp có thể ký hợp đồng với khách hàng và giao lại cho ĐLT cá nhân. Mỗi ĐLT cá nhân chỉ được phép làm việc cho một ĐLT là doanh nghiệp.

Quy định nói trên cần mở rộng hơn khi các ĐLT cá nhân đã đủ kinh nghiệm hành nghề, theo đó chính sách có thể hướng tới việc cho phép các ĐLT cá nhân có đủ năm kinh nghiệm, có thể ký hợp đồng trực tiếp với khách hàng mà không cần qua các ĐLT pháp nhân.

Mô hình quan hệ đối tác

Ngoài mô hình ĐLT cá nhân, có thể mở rộng thêm mô hình quan hệ đối tác trong cung cấp dịch vụ ĐLT, trong đó các đối tác có thể là ĐLT cá nhân, ĐLT pháp nhân (với nhiều mô hình doanh nghiệp và công ty khác nhau). Quan hệ giữa các đối tác có thể theo hình thức hợp đồng hợp tác, hoặc thành lập theo mô hình công ty cổ phần hay công ty trách nhiệm hữu hạn.

b. Đề xuất quy định mở rộng miễn hoạt động của ĐLT

Cơ quan ban hành chính sách cần cởi mở hơn về mặt chính sách cho đúng với bản chất của ĐLT. Mặc dù được gọi dưới cái tên “đại lý”, song về bản chất nghề khai thuế thuế là hoạt động môi giới. Do vậy, trong việc quy định địa vị pháp lý của loại hình này cần xác định đây là một công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và Luật Quản lý thuế. Có nghĩa là tất cả những gì thuộc về các thủ tục thuế, đại lý này đều có quyền thay mặt người nộp thuế thực hiện.

Phạm vi hoạt động của ĐLT cần được mở rộng trong chính sách về đăng ký thành lập và hoạt động của ĐLT. Phạm vi không chỉ giới hạn làm thủ tục về thuế, về kê khai thuế. Cơ quan ban hành chính sách nên điều chỉnh, cho phép đại lý thuế có thể:

(1) Đại diện cho người nộp thuế giải trình hồ sơ thuế với Cơ quan Thuế khi có yêu cầu hay đại diện cho các doanh nghiệp nộp thuế để tham gia vào quá trình khiếu nại, khiếu kiện về thuế;

(2) Đại diện cho người nộp thuế trực tiếp tham gia trong quá trình tranh tụng trước tòa án về các vấn đề liên quan đến thuế hoặc hỗ trợ cho luật sư của người nộp thuế để trực tiếp giải trình các nội dung liên quan đến thuế thay cho người nộp thuế trước tòa án.

(3) Theo xu hướng ngày càng phát triển của dịch vụ tư vấn thuế, ĐLT cần được phép hoạt động trong lĩnh vực lập kế hoạch về thuế, tư vấn quản lý rủi ro về thuế cho người nộp thuế để phản ứng hợp pháp theo các chính sách hiện tại và đón đầu với sự thay đổi chính sách thuế của Nhà nước.

(4) Trước xu hướng phát triển thuế điện tử, ĐLT cần được mở rộng sang phạm vi thực hiện mọi thủ tục thuế điện tử cho doanh nghiệp.

(5) Tiến đến ĐLT có thể thay Cơ quan Thuế thu thuế theo chế độ trao quyền cung cấp dịch vụ công từ khu vực nhà nước sang khu vực tư nhân.

Lợi ích của mở rộng phạm vi hoạt động

Quy định nói trên có thể mang lại sự tin cậy của doanh nghiệp nộp thuế đối với dịch vụ ĐLT khi dịch vụ này trở thành một dịch vụ trọn gói, khắc phục được tình trạng các doanh nghiệp “lo sợ” tính pháp lý của dịch vụ ĐLT, đồng thời tác động tích cực đến xu hướng sử dụng dịch ĐLT trong tương lai. Giải pháp này cũng làm cho dịch vụ ĐLT khắc phục được hạn chế của khai nộp thuế điện tử khi doanh nghiệp thiếu hiểu biết về quy trình nộp thuế điện tử cũng như kiến thức công nghệ thông tin.

c. Mở rộng phạm vi hoạt động

Giúp ĐLT có được nhiều khách hàng hơn, cải thiện kết quả hoạt động, tăng tính trách nhiệm của ĐLT, giúp Cơ quan Thuế giảm thiểu thời gian xử lý các tranh cãi với các doanh nghiệp thiếu kiến thức về thuế khi tập trung vào ĐLT chuyên nghiệp hơn.

d. Hoàn thiện Quy định về điều kiện đăng ký và hoạt động của đại lý thuế

Quy định kiểm soát điều kiện đăng ký cung cấp dịch vụ ĐLT

Để đảm bảo quy định mỗi ĐLT có ít nhất 2 nhân viên có chứng chỉ hành nghề thuế được thực hiện một cách nghiêm chỉnh, cần hoàn thiện quy định kiểm soát điều kiện này của Cơ quan Thuế.

Có nhiều phương án mà Cơ quan Thuế có thể tham khảo như tăng cường kiểm soát thường xuyên số lượng cá nhân hành nghề và chứng chỉ của họ tại trụ sở ĐLT, công bố thường xuyên danh sách cá nhân hành nghề của các đại lý trên các phương tiện thông tin Ngành thuế như một phương tiện kiểm soát, hay khuyến khích sự giám sát chéo của các ĐLT.

Tuy nhiên, trong trường hợp phạm vi hoạt động được mở rộng, các ĐLT không chỉ tham gia cung cấp các dịch vụ làm thủ tục về thuế, các Cơ quan ban hành chính sách có thể nghiên cứu đề xuất điều kiện đầu vào khác nhau tùy theo loại hình dịch vụ đại lý thuế cung cấp, và vì vậy cùng với đó là một hệ thống kiểm soát sự thực hiện các điều kiện bắt buộc này.

Quy định bộ tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ ĐLT

Một phương án chính sách khá nhiều ưu điểm để khắc phục tình trạng phải kiểm soát quá mức số nhân viên có chứng chỉ hành nghề tại ĐLT là bổ sung những quy định khuyến khích các hiệp hội nghề nghiệp có trách nhiệm cùng với Cơ quan Thuế ban hành một bộ tiêu chuẩn về chất lượng dịch vụ ĐLT. Bộ tiêu chuẩn này chính là cơ sở và mục tiêu kinh doanh của các ĐLT, nhằm thỏa mãn tốt hơn nhu cầu của khách hàng.

Có hai giải pháp có thể tham khảo: (1) Cơ quan Thuế trao đổi với Hội tư vấn thuế, Tổng cục đo lường tiêu chuẩn chất lượng để quyết định bộ tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ ĐLT; (2) Cơ quan Thuế khuyến khích Hội tư vấn thuế và

các câu lạc bộ ĐLT khác tự ban hành bộ tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ ĐLT.

Bộ tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ ĐLT cần quy định rõ tiêu chuẩn đầu ra cho mỗi loại hình dịch vụ, ví dụ tiêu chuẩn về tư vấn lập một bản kê khai thuế bao gồm các lỗi cơ học, các lỗi in ấn, sai sót về ngày tháng, thuế suất, sai sót về khoản mục tính thuế... Bộ tiêu chuẩn cùng với quy định tối thiểu hai cá nhân có chứng chỉ hành nghề là cơ sở tối ưu cho hoạt động hướng vào chất lượng của ĐLT.

e. Hoàn thiện quy định về trách nhiệm pháp lý của đại lý thuế

Dịch vụ ĐLT là dịch vụ chuyển giao trách nhiệm pháp lý của người nộp thuế sang cho ĐLT. ĐLT là nơi phải gánh chịu rủi ro pháp lý khi xảy ra các sự việc liên quan. Để đảm bảo sự tin tưởng của các doanh nghiệp đối với ĐLT, cần quy định rõ trách nhiệm pháp lý của ĐLT trong tất cả các trường hợp vi phạm quy định của Luật thuế và Luật quản lý thuế.

Trách nhiệm bồi thường, phạt hành chính, trách nhiệm hình sự cần được làm rõ tùy theo mức độ sai phạm của ĐLT khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Loại hình vi phạm, mức độ vi phạm, hình thức bồi thường và phạt cần được cụ thể trong Thông tư hướng dẫn hoạt động cung cấp dịch vụ ĐLT. Ví dụ trong trường hợp sự tư vấn thuế sai dẫn đến người nộp thuế vô tình trốn thuế, việc xử lý không thể chỉ dựa trên hợp đồng ký kết giữa người nộp thuế và ĐLT mà cần quy định trách nhiệm rõ ràng về mặt pháp lý của ĐLT như trách nhiệm xử lý vi phạm hành chính hay bị truy tố trước pháp luật.

f. Ban hành Bộ quy tắc ứng xử chuyên nghiệp của đại lý thuế và xử phạt hành vi không tuân thủ các quy tắc ứng xử chuyên nghiệp

Bộ quy tắc ứng xử chuyên nghiệp có thể do Cơ quan Thuế ban hành hoặc phối hợp và Hội tư vấn thuế và các câu lạc bộ ĐLT để ban hành. Cụ thể, một bộ quy tắc ứng xử cần đảm bảo sự tuyên bố về một số chuẩn mực cơ bản sau:

(1) Sự trung thực và tính toàn vẹn:
Đại lý thuế phải hành động một cách trung thực và liêm chính; phải tuân thủ pháp luật thuế trong việc điều hành chính cá nhân ĐLT.

(2) Tính độc lập: Đại lý thuế phải hành động hợp pháp vì lợi ích tốt nhất của khách hàng; phải có giải pháp quản lý các xung đột lợi ích có thể phát sinh liên quan đến các hoạt động mà ĐLT thực hiện.

(3) **Tính bảo mật:** Đại lý thuế không được tiết lộ bất kỳ thông tin liên quan đến các vấn đề của khách hàng cho bên thứ ba mà không có sự cho phép của khách hàng, trừ khi ĐLT có một nghĩa vụ pháp lý phải làm.

(4) **Tính chuyên nghiệp:** Đại lý thuế phải đảm bảo tính chuyên nghiệp của dịch vụ mà ĐLT cung cấp, hoặc do người khác cung cấp thay cho ĐLT; phải duy trì kiến thức và kỹ năng cần thiết liên quan đến dịch vụ ĐLT đang cung cấp; cần bao quát và xác định được trạng thái công việc của khách hàng liên quan đến nhiệm vụ tư vấn mà ĐLT đang thực hiện; phải đảm bảo thực hiện đúng các luật thuế khi cung cấp dịch vụ tư vấn cho khách hàng.

(5) Trách nhiệm khác: Đại lý thuế không được cố ý cản trở việc quản lý thực thi các luật thuế; phải tư vấn cho khách hàng về quyền và nghĩa vụ của khách hàng theo luật thuế có liên quan đến các dịch vụ đang cung cấp; phải duy trì bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định của Cơ quan Thuế; phải đáp ứng yêu cầu và hướng dẫn của Cơ quan quản lý ĐLT một cách kịp thời và hợp pháp.

Bộ quy tắc ứng xử cần được phổ biến tới các ĐLT và cần được coi là chuẩn mực cho hoạt động của ĐLT tại Việt Nam. Để đảm bảo sự tuân thủ Bộ quy tắc ứng xử, Cơ quan Thuế có thể áp dụng một số hình thức nhắc nhở và xử phạt khi ĐLT không tuân thủ: quyết định cảnh cáo đối với ĐLT; yêu cầu ĐLT hoàn thành một

khóa giáo dục bắt buộc; đại lý vi phạm sẽ bị giám sát của một vài ĐLT khác trong quá trình cung cấp dịch vụ; yêu cầu đại lý vi phạm chỉ được cung cấp một số dịch vụ ĐLT giới hạn; đình chỉ hoặc chấm dứt đăng ký của ĐLT hoặc các hình thức xử phạt dân dân sự và hình sự khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Thanh Tú (2013), *Một số bất cập trong quy định về đại lý thuế tại Việt Nam và giải pháp hoàn thiện*, Tạp chí Luật học, số 6-2013.
- Nguyễn Thị Cúc (2015), *Bài phát biểu tại Tọa đàm về giải pháp phát triển Đại lý thuế tại Tp. Hồ Chí Minh*, www.vtca.vn.
- Nguyễn Thị Lệ Thúy (2015 a), *Chính sách của Nhà nước nhằm phát triển đại lý thuế tại Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường.
- Nguyễn Thị Lệ Thúy (2015 b), *Thực trạng phát triển đại lý thuế tại Việt Nam: Cơ sở thực tiễn và khuyến nghị chính sách*, tạp chí Kinh tế và Phát triển, số 219(11), tháng 8/2015, ISSN: 1859-0012.
- Thủ tướng Chính phủ (2011), *Chiến lược cải cách hệ thống thuế Việt Nam 2011-2020*, ban hành ngày 27/5/2011
- Tổng cục Thuế (2007), *Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành*, Nhà xuất bản tài chính.
- Tổng cục Thuế (2012), *Thông tư hướng dẫn về hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế*, ban hành ngày 29/7/2012
- Tổng cục Thuế (2015), *Danh sách đại lý thuế đủ điều kiện hoạt động*, truy cập ngày 31/12/2014 từ <http://www.gdt.gov.vn/>